**Tuần 4. Tiết 12:**

 **Tranh biện về ý nghĩa của kĩ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

-HS đưa ra được những lí lẽ, lập luận, ví dụ để ủng hộ hoặc phản đối khi tranh biện về ý nghĩa của việc tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

***- Năng lực riêng:***

+ Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:**

- Kế hoạch tuần mới.

- Nội dung liên quan,…

**2. Đối với HS:**

- Nội dung sơ kết tuần

- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GVCN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen tiết SHL.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GVCN ổn định lớp và hướng HS vào tiết sinh hoạt lớp.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sơ kết tuần**

**a. Mục tiêu:** Tổng kết được các hoạt động tuần cũ và đưa ra kế hoạch tuần mới.

**b. Nội dung:** tổng kết và đưa ra kế hoạch tuần mới

**c. Sản phẩm:** kết quả làm việc của ban cán sự lớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu ban cán sự lớp tự điều hành lớp , đánh giá và sơ kết tuần, xây dựng kế hoạch tuần mới.

**Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề.**

**a. Mục tiêu:**

-HS đưa ra được những lí lẽ, lập luận, ví dụ để ủng hộ hoặc phản đối khi tranh biện về ý nghĩa của việc tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.

**b. Nội dung:**

GV tổ chức cho HS tranh biện về ý nghĩa của việc tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Tranh biện của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV lần lượt đưa ra từng ý kiến, quan điểm về tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân:

+ Biết điểm mạnh của bản thân khiến con người thêm tự cao, tự đại; biết điểm hạn chế của bản thân khiến con người thêm mặc cảm, tự ti.

+ Mỗi người đểu có những điểm mạnh và hạn chế riêng, không có ai là hoàn thiện, hoàn mĩ, cũng như không có ai là chỉ có điểm hạn chế.

+ Tự nhận thức được về điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân sẽ giúp con người giao tiếp hiệu quả, đưa ra quyết định phù hợp và phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện mình.

-Với mỗi ý kiến, GV chia HS ra thành 2 nhóm: nhóm ủng hộ và nhóm phản đối.

-HS mỗi nhóm thảo luận để thống nhất những lí lẽ, lập luận, ví dụ để bảo vệ ý kiến của nhóm mình và phản bác ý kiến của nhóm bạn.

-Tranh biện giữa hai nhóm.

-GV nhận xét chung và nêu quan điểm của cá nhân mình là ủng hộ ý kiến (2) và (3); không đổng tình với ý kiến (1).

**C. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP**

**a. Mục tiêu:** Tranh biện giữa hai nhóm

**b. Nội dung:** điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Nhóm ủng hộ và nhóm phản đối.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*